**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ GÒ CÔNG**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày: 15-4-2021

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Công Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Hợp; Ông Trần Văn Lời.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Mai Hùng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

**Huỳnh Văn M**, sinh ngày 23/02/1967, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Huỳnh Văn B (Đã chết) và bà Hồ Thị C (Đã chết); Có vợ (Đã chết) và 04 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại (Theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 70 ngày 30/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gò Công). Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Bà Trần Thanh M, sinh năm 1962; (Có mặt)
Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*: Ông Lê Thành Đ – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư B – Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trương Thị Bích V, sinh năm 1967; (Xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Số 01 H, khu phố M, Phường M, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Lý Thị Kim H, sinh năm 1980; (Xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Khu phố B, Phường M, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1966; (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 21A H, khu phố M, Phường M, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Từ khoảng tháng 10/2019 đến tháng 10/2020, Bà Trần Thanh M sống chung như vợ chồng với bị cáo Huỳnh Văn M tại ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 13/10/2020, khi Bà M đi chợ, bị cáo M lấy chìa khóa và mở tủ trong phòng ngủ và lấy trộm các tài sản của Bà M gồm: 02 (Hai) chiếc nhẫn trơn vàng 9999, trọng lượng mỗi chiếc 05 (Năm) chỉ; 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18K (Loại vàng V600), trọng lượng 12.911 chỉ; 01 (Một) lắc tay vàng 18K (Loại vàng V600), trọng lượng 10.133 chỉ. Sau khi lấy các tài sản trên, bị cáo điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển số đăng ký 63B6-275.64 đi ra khỏi nhà và không liên lạc với Bà M nữa. Bị cáo M đi đến tiệm vàng Vân Ngọc (do Bà Trương Thị Bích V đứng tên sở hữu) bán chiếc lắc được khoảng 28.000.000 đồng, rồi đến tiệm vàng Kim Tùng (do Bà Lý Thị Kim H đứng tên sở hữu) bán 01 (Một) chiếc nhẫn được khoảng 25.000.000 đồng, đến tiệm vàng Kim Cúc (do bà Nguyễn Thị Hồng C đứng tên sở hữu) bán chiếc nhẫn 05 (Năm) chỉ được 25.000.000 đồng. Bị cáo Huỳnh Văn M cầm tiền bán tài sản đi trả nợ và còn lại 14.000.000 đồng. Ngày 30/10/2020, Bà Trần Thanh M trình báo Công an. Khi Công an mời làm việc, bị cáo M đã giao nộp 14.000.000 đồng, 01 (Một) sợi dây chuyền và 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát số 63B6-275.64, nhãn hiệu HONDA, loại xe AirBlade, màu đen (kèm giấy đăng ký xe).

Vật chứng thu giữ: 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh mang biển số đăng ký: 63B6-275.64; nhãn hiệu: HONDA; màu sơn: đen; số máy: JF63B1502208; số khung: 6302FZ148124, số loại: AirBlade, dung tích: 124, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2017; 01 (Một) giấy đăng ký chiếc xe mô tô hai bánh mang biển số đăng ký: 63B6-275.64; nhãn hiệu: HONDA; màu sơn: đen; số máy: JF63B1502208; số khung: 6302FZ148124, số loại: AirBlade, dung tích: 124, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2017, do Huỳnh Văn M đứng tên sở hữu; Tiền Việt Nam: 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng; 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18K (Loại vàng V600), trọng lượng 12.911 chỉ.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS, ngày 10 tháng 12 năm 2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Gò Công:

- 02 (Hai) chiếc nhẫn trơn vàng 9999, trọng lượng mỗi chiếc 05 (Năm) chỉ. Trị giá 53.000.000 (Năm mươi ba triệu) đồng.

- 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18K (Loại vàng V600), trọng lượng 12.911 chỉ. Trị giá 38.733.000 (Ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn) đồng.

- 01 (Một) lắc tay vàng 18K (Loại vàng V600), trọng lượng 10.133 chỉ. Trị giá là 30.399.000 (Ba mươi triệu ba trăm chín mươi chín ngàn) đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là 122.132.000 (Một trăm hai mươi hai triệu một trăm ba mươi hai ngàn) đồng.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKSTXGC, ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn M về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

**Tại phiên tòa:**

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Thống nhất quan điểm với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, đã truy tố đúng người, đúng tội và không có ý kiến về trách nhiệm hình sự. Người bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường số tiền 72.800.000 đồng, thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với chiếc xe mô tô hai bánh mang biển số đăng ký 63B6-275.64 là tài sản của bị cáo, nên yêu cầu xử lý để đảm bảo thi hành án cho bị hại.

Bị hại không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn M từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về vật chứng, đề nghị:

+ Ghi nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Gò Công đã trao trả cho Bà Trần Thanh M tiền Việt Nam 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18K (Loại vàng V600), trọng lượng 12.911 chỉ.

+ Trả lại bị cáo M 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh mang biển số đăng ký 63B6-275.64, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen, số máy JF63B1502208, số khung 6302FZ148124, số loại AirBlade, dung tích 124, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2017 và 01 (Một) giấy đăng ký chiếc xe mô tô hai bánh mang biển số đăng ký 63B6-275.64, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen, số máy JF63B1502208, số khung 6302FZ148124, số loại AirBlade, dung tích 124, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2017, do Huỳnh Văn M đứng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 72.800.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

**Lời nói sau cùng của bị cáo**: Bị cáo đã biết lỗi do mình gây ra, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Gò Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử và vẫn đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người này. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Huỳnh Văn M khai nhận vì muốn có tiền trả nợ cá nhân, nên lợi dụng lúc Bà Trần Thanh M không có mặt ở nhà, bị cáo đã lấy chìa khóa, mở tủ trong phòng ngủ và lấy trộm các tài sản của Bà M gồm: 02 chiếc nhẫn trơn vàng 9999, trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K (Loại vàng V600), trọng lượng 12.911 chỉ; 01 lắc tay vàng 18K (Loại vàng V600), trọng lượng 10.133 chỉ. Theo kết luận định giá tài sản bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 122.132.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đồng thời hành vi ấy còn gây mất trật tự ở địa phương. Bị cáo có đủ sức lao động để kiếm sống và tạo ra của cải vật chất cho bản thân. Bị cáo muốn có tiền trả nợ nhưng lại chay lười lao động nên mới dấn thân vào con đường tội phạm. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, việc áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một khoản thời gian, tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thái độ của bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, khi lượng hình.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả tài sản bị chiếm đoạt thu giữ được cho chủ sở hữu đúng quy định pháp luật nên ghi nhận.

- Đối với 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh mang biển số đăng ký 63B6-275.64, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen, số máy JF63B1502208, số khung 6302FZ148124, số loại AirBlade, dung tích 124, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2017 và 01 (Một) giấy đăng ký chiếc xe mô tô hai bánh mang biển số đăng ký 63B6-275.64, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen, số máy JF63B1502208, số khung 6302FZ148124, số loại AirBlade, dung tích 124, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2017, do Huỳnh Văn M đứng tên sở hữu, là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan vụ án, nên trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 72.800.000 đồng, bị cáo đồng ý, nhưng không thống nhất được thời gian thực hiện bồi thường. Xét thấy đây là nghĩa vụ của bị cáo, nên cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại khi án có hiệu lực pháp luật, theo quy định tại Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là có căn cứ, nên ghi nhận.

[9] Đối với bà Nguyễn Thị Hồng C, Bà Trương Thị Bích V và Bà Lý Thị Kim H đã mua tài sản do bị cáo trộm cắp được, nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp được mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn M phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn M 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

**Về biện pháp tư pháp:**

Trả cho bị cáo Huỳnh Văn M 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh mang biển số đăng ký 63B6-275.64, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen, số máy JF63B1502208, số khung 6302FZ148124, số loại AirBlade, dung tích 124, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2017 và 01 (Một) giấy đăng ký chiếc xe mô tô hai bánh mang biển số đăng ký 63B6-275.64, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen, số máy JF63B1502208, số khung 6302FZ148124, số loại AirBlade, dung tích 124, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2017, do Huỳnh Văn M đứng tên sở hữu. Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/3/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gò Công và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công.

**Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo Huỳnh Văn M có nghĩa vụ bồi thường cho Bà Trần Thanh M số tiền là 72.800.000 (Bảy mươi hai triệu tám trăm nghìn) đồng. Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bà Trần Thanh M có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Huỳnh Văn M chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**Về án phí**: Buộc bị cáo Huỳnh Văn M phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.640.000 (Ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo**: Bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thị xã Gò Công;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Công Triều**